

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 12 năm 2022

THÔNG CÁO BÁO CHÍ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

I. Những thuận lợi và khó khăn

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIV, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025, là năm tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020-2025. Trong bối cảnh có những thuận lợi, tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt, các chính sách tài khóa, tiền tệ của Chính phủ đã phát huy hiệu quả, hoạt động sản xuất, kinh doanh có bước phục hồi, thời tiết và nguồn nước thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, nổi lên một số khó khăn mới, tác động của tình hình thế giới và cả nước diễn biến phức tạp hơn, nhất là giá cả nguyên, nhiên vật liệu và chi phí đầu vào tăng cao, một số chính sách mới liên quan đến điện gió, điện mặt trời chưa ban hành, vướng mắc về thể chế liên quan đầu tư, đất đai, khoáng sản chậm tháo gỡ đã tác động, ảnh hưởng rất lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội, những lĩnh vực có lợi thế của Tỉnh và hoạt động sản xuất, đời sống nhân dân.

II. Kết quả đạt được

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2022 ước tăng 7,42% so với năm trước, mức tăng trưởng thấp nhất trong các năm 2019-2022¹. Trong đó, Khu vực II (Công nghiệp và xây dựng) tăng 5,52%, là mức tăng thấp nhất trong 9 năm qua (2014-2022)²; khu vực III (Dịch vụ) tăng 13,79%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2011 đến nay và là năm đầu tiên mức tăng đạt hai chữ số³; và ngành công nghiệp chủ lực sản xuất và phân phối điện chỉ tăng 6,21% là những nội dung đáng chú ý.

GRDP (tính theo giá so sánh 2010) năm 2022 ước tăng 7,42% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng

¹ Tốc độ tăng GRDP năm báo cáo so với năm trước các năm 2019-2022 là: năm 2019 tăng 14,69%; năm 2020 tăng 10,38%; năm 2021 tăng 10,30%; năm 2022 tăng 7,42%.

² Tốc độ tăng VA Công nghiệp - Xây dựng năm báo cáo so với năm trước các năm 2014-2022 lần lượt là: tăng 15,08%; tăng 12,33%; tăng 7,59%; tăng 5,91%; tăng 14,85%; tăng 46,48%; tăng 37,62%; tăng 23,33%; tăng 5,52%.

³ Tốc độ tăng VA Dịch vụ năm báo cáo so với năm trước các năm 2011-2022 lần lượt là: tăng 6,34%; tăng 5,95%; tăng 7,56%; tăng 7,26%; tăng 7,74%; tăng 8,76%; tăng 8,04%; tăng 6,71%; tăng 7,80%; tăng 2,82%; tăng 4,61%; tăng 13,79%.

4,21%, đóng góp 1,23 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,52%, đóng góp 1,82 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 13,79%, đóng góp 4,44 điểm phần trăm; thuế sản phẩm giảm 1,03%, đóng góp giảm 0,06 điểm phần trăm.

Về cơ cấu GRDP năm 2022: khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 28,4%; khu vực Công nghiệp và xây dựng chiếm 35,6%; khu vực Dịch vụ chiếm 30,7%; thuế sản phẩm chiếm 5,3% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2021 là: 29,5%; 35,6%; 29,2%; 5,7%).

GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 76,8 triệu đồng, tăng 10,2% (tăng 7,1 triệu đồng) so với năm 2021.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2022 nhìn chung thuận lợi. Nước tưới đầy đủ, sâu bệnh chỉ xuất hiện rải rác, nên diện tích gieo trồng cây hàng năm tăng so với cùng kỳ; sản lượng các loại cây lâu năm chủ yếu tăng khá; lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng ổn định; khai thác biển khả quan. Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đã thể hiện vai trò bệ đỡ cho nền kinh tế trong lúc biến động giá lương thực thế giới tăng bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong giai đoạn kinh tế thế giới nhiều biến động.

2.1 Nông nghiệp

Diện tích lúa năm 2022 đạt trên 45,4 nghìn ha, tăng hơn 1,3 nghìn ha so với năm trước; năng suất lúa ước tính đạt 61,5 tạ/ha, giảm 0,7 tạ/ha, điều kiện thời tiết thuận lợi và diện tích gieo trồng tăng nên sản lượng lúa ước tính đạt 279,7 nghìn tấn, tăng hơn 5,3 nghìn tấn.

Kết quả sản xuất hoa màu và một số cây hàng năm: Sản lượng ngô đạt 54,9 nghìn tấn, tăng 3,0 nghìn tấn so với năm 2021; khoai lang đạt 3,2 nghìn tấn, tăng 0,1 nghìn tấn; mía đạt 113,9 nghìn tấn, giảm 5,5 nghìn tấn; sắn đạt 79,6 nghìn tấn, tăng gần 3,6 nghìn tấn; lạc đạt gần 1,1 nghìn tấn, không tăng không giảm; sản lượng rau các loại đạt 149,7 nghìn tấn, giảm gần 11,9 nghìn tấn; sản lượng đậu các loại đạt hơn 2,4 nghìn tấn, giảm 0,2 nghìn tấn.

Sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu: điều đạt gần 1,3 nghìn tấn, tăng 4,2% so với năm trước; nho đạt gần 26,6 nghìn tấn, tăng 0,4%; xoài đạt 5,0 nghìn tấn, tăng 5%; táo đạt 38,4 nghìn tấn, tăng 2,3%.

Thời tiết trong năm xuất hiện mưa nhiều đợt, đồng cỏ tự nhiên phát triển tốt, tạo điều kiện cho chăn nuôi gia súc có sự tăng trưởng. Đàn heo của tỉnh cũng tăng mạnh do có nhiều trang trại lớn của các dự án ngoài tỉnh vào đầu tư theo hình thức nuôi gia công, số lượng đàn đăng ký nuôi đã vượt kế hoạch phát triển đàn heo của tỉnh đến năm 2025. Ước tính cuối năm 2022, tổng số trâu tăng 1,6% so với cùng thời điểm năm 2021; tổng số bò tăng 0,6%; tổng số dê, cừu tăng 3,0%; tổng số heo tăng 29,3%; tổng số gia cầm tăng 2,1%. Về sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt tăng 2,2% so với năm 2021; thịt bò tăng 0,9%; thịt dê, cừu tăng 2%;

thịt heo tăng 28,3%; thịt gia cầm tăng 10,9%. Sản lượng trứng gia cầm ước đạt 80,6 triệu quả, tăng 10,7%.

2.2 Lâm nghiệp

Do thuận lợi trong năm mưa nhiều, diện tích rừng trồng mới tập trung cả tỉnh ước tính đạt 908,8 ha, tăng 111% so với năm trước, mức tăng cao nhất các năm 2015-2022⁴. Số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 100 nghìn cây, giảm 49,4%; sản lượng gỗ khai thác đạt 2,3 nghìn m³, tăng 8,6%; sản lượng củi khai thác đạt 18,5 nghìn ste, tăng 4,2%.

2.3 Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản năm 2022 ước đạt 136,9 nghìn tấn, tăng 2,7% so với năm 2021. Trong đó, cá đạt 122,8 nghìn tấn, tăng 1,9%; tôm đạt 5,7 nghìn tấn, giảm 12,5%. Khai thác biển đạt sản lượng 126,8 nghìn tấn, tăng 2,6%.

Giống thủy sản ước đạt 39,65 tỷ con, tăng 2,2% so cùng kỳ; trong đó tôm giống ước đạt 39,0 tỷ con, tăng nhẹ 0,7%.

3. Sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp năm 2022 dần phục hồi và tăng trưởng tích cực, ngành công nghiệp chế biến tăng trưởng cao so với năm trước. Tuy nhiên, mức tăng IIP năm 2022 so với năm trước thấp nhất trong vòng 5 năm gần đây do giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao, một số nguồn hàng cung ứng sản xuất bị hạn chế. Đặc biệt ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh là sản xuất điện năng lượng tái tạo đã đạt trần công suất và có sự điều tiết giảm nguồn phát đã ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng toàn ngành công nghiệp trong năm 2022.

Chỉ số IIP toàn ngành công nghiệp năm 2022 ước tính tăng 9,17% so với năm trước, là mức tăng thấp nhất trong các năm 2018-2022⁵. Trong đó, công nghiệp chủ chốt sản xuất và phân phối điện chỉ đạt mức tăng 6,05%, mức tăng thấp nhất các năm 2019-2022⁶; chế biến chế tạo có mức tăng cao nhất 21,44%, mức tăng cao nhất các năm 2015-2022⁷; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,63%. Riêng ngành khai khoáng giảm 13,43%, chủ yếu do thời tiết nhiều mưa làm giảm muối biển khai thác và các công trình xây dựng sử dụng vật liệu đá xây dựng giảm.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu năm nay giảm hoặc tăng thấp so với năm trước: Muối biển giảm 29,3% do thời tiết không thuận lợi, mưa trái mùa những tháng đầu năm; Tinh bột sắn giảm 15,2% do vào đầu năm thị trường tiêu thụ chủ yếu (Trung Quốc) giảm nhập khẩu do dịch bệnh, nguồn nguyên liệu thiếu, kết thúc vụ sớm; Hạt điều khô giảm 9,8%; một số *sản phẩm xây dựng* giảm (khai

⁴ Tốc độ tăng Diện tích rừng trồng mới tập trung năm báo cáo so với năm trước các năm 2015-2022 lần lượt là: tăng 4,9%; tăng 0,5%; giảm 13,6%; giảm 44,6%; tăng 45,2%; tăng 67,1%; giảm 35,8%; tăng 111,0%.

⁵ Tốc độ tăng IIP toàn ngành năm báo cáo so với năm trước các năm 2018-2022 lần lượt là: tăng 9,73%; tăng 43,58%; tăng 39,43%; tăng 24,73%; tăng 9,17%.

⁶ Tốc độ tăng IIP sản xuất và phân phối điện năm báo cáo so với năm trước các năm 2019-2022 lần lượt là: tăng 221,69%; tăng 92,75%; tăng 43,18%; tăng 6,05%.

⁷ Tốc độ tăng IIP chế biến chế tạo năm báo cáo so với năm trước các năm 2015-2022 lần lượt là: tăng 11,17%; tăng 10,22%; tăng 4,59%; tăng 11,55%; tăng 1,17%; giảm 6,60%; tăng 1,75%; tăng 21,44%.

thác đá xây dựng giảm 24,3%; xi măng giảm 34,1%; đá granite giảm 7,4%), nguyên nhân chủ yếu là các công trình điện năng lượng tái tạo đã hoàn thành xây dựng; Điện sản xuất tăng 7,1% (trong đó, Điện mặt trời giảm 1,3%), sự điều tiết giảm nguồn phát, cùng với chưa phát sinh các dự án điện mới là nguyên nhân chủ yếu làm tăng trưởng sản phẩm chủ lực này chậm lại. Một số sản phẩm tăng cao: Quần áo tăng 43,7%; Tủ đông lạnh tăng 35,0% do thị trường xuất khẩu có nhiều hợp đồng mới; Bia đóng lon tăng 13,3%; Đường RS tăng 11,7%;

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm 2022 số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 35,3% so với năm 2021, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 44%. Riêng số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể và số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh vẫn tiếp tục tăng với các mức tương ứng là tăng 14,1% và tăng 22,3% so với năm trước.

Tính đến ngày 23/12/2022, có 506 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 14.545,2 tỷ đồng, tăng 35,3% số doanh nghiệp và tăng 2,2 lần số vốn đăng ký so với năm trước. Vốn bình quân trên 1 DN thành lập mới đạt 28,7 tỷ đồng, tăng 16,6 tỷ đồng. Số lao động đăng ký trong các doanh nghiệp thành lập mới 6.270 lao động, tăng 1,7 lần.

Có 144 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 44,0%; 89 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 14,1%; và 230 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 22,3%.

5. Thương mại và dịch vụ

5.1 Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ năm 2022 trên địa bàn tỉnh phục hồi mạnh mẽ sau dịch Covid-19, nhu cầu tiêu dùng tăng, hàng hóa dồi dào, du lịch biển thu hút nhiều khách du lịch. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 33,0% so với năm trước, cũng là mức tăng trưởng cao nhất các năm 2016-2022⁸.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 ước đạt 32.163,6 tỷ đồng, tăng 33,0% so với năm 2021. Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 25.417,2 tỷ đồng, chiếm 79,0% tổng mức và tăng 26,9% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngành hàng phương tiện đi lại tăng 43,5%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 34,9%; may mặc tăng 33,4%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 18,2%; lương thực, thực phẩm tăng 17,6%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 4.310,6 tỷ đồng, chiếm 13,4% và tăng 67,1%. Doanh thu du lịch lữ hành đạt 7,7 tỷ đồng, chiếm 0,02% và tăng 475%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 2.428,1 tỷ đồng, chiếm 7,6% và tăng 54,6%. Đặc biệt, cả 4 ngành đều đạt mức tăng cao nhất từ năm 2016 đến 2022.

⁸ Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm báo cáo so với năm trước của các năm 2016-2022 lần lượt là: tăng 11,9%; tăng 13,3%; tăng 15,1%; tăng 12,7%; tăng 4,8%; tăng 1,2%; tăng 33,0%.

5.2 Vận tải hành khách và hàng hóa

Hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh phục hồi mạnh mẽ so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát tốt. Năm 2022, khối lượng hành khách vận chuyển tăng 217,5% và hàng hóa vận chuyển tăng 37,1% so với năm 2021.

Tính chung năm 2022, vận tải hành khách đạt 9,1 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 217,5% so với năm trước và luân chuyển 729,3 triệu lượt khách.km, tăng 220,1%. Vận tải hàng hóa đạt 11,2 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 37,1% so với năm trước và luân chuyển 846,2 tấn.km, tăng 36,6%.

5.3 Dịch vụ bưu chính, viễn thông

Hoạt động bưu chính, viễn thông, internet trên địa bàn tỉnh năm 2022 tiếp tục phát triển, doanh thu tiếp tục tăng, chất lượng dịch vụ được cải thiện.

Sản lượng dịch vụ bưu chính ước thực hiện trong năm là 2,4 triệu bưu gửi, tăng 6,5% so với cùng kỳ và 2,7 triệu bưu phát, tăng 5,9%. Doanh thu ước đạt 156,7 tỷ đồng, tăng 6,2% so với cùng kỳ.

Doanh thu sản xuất, kinh doanh dịch vụ viễn thông trong toàn ngành năm 2022 ước đạt 595 tỷ đồng, tăng 2,7% so với năm trước. Tổng số thuê bao điện thoại trên toàn tỉnh là 686 nghìn thuê bao, tăng 0,8%; trong đó thuê bao di động gần 641 thuê bao, tăng 1,0%. Tổng số thuê bao internet băng rộng trên toàn tỉnh là 334,7 thuê bao, tăng 3,1%.

5.4 Xuất, nhập khẩu hàng hóa (cập nhật ngày 27/12/2022)

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 200,3 triệu USD, giảm 65,2% so với năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 123,7 triệu USD, giảm 4,9%; nhập khẩu đạt 76,6 triệu USD, giảm 82,8%. Cán cân thương mại của tỉnh đạt xuất siêu 47,1 triệu USD (năm 2021 nhập siêu 315,2 triệu USD).

Xuất khẩu hàng hóa : Kim ngạch xuất khẩu năm 2022 ước đạt 123,7 triệu USD, đạt 103,1% so với kế hoạch (KH 120 triệu USD) và giảm 4,9% so với năm trước. Trong đó: thủy sản ước đạt 78,5 triệu USD chiếm 63,5% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 12,7% so với cùng kỳ; nhân hạt điều xuất khẩu giảm mạnh, ước đạt 15,3 triệu USD, giảm 58,5% so với cùng kỳ.

Nhập khẩu hàng hóa: kim ngạch nhập khẩu ước đạt 76,6 triệu USD đạt 38,3% so với kế hoạch (KH 200 triệu USD). Nguyên nhân do: Các dự án năng lượng phần lớn đã hoàn thành và đi vào hoạt động nên nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ các dự án không còn, hàng nhập khẩu phục vụ sản xuất chủ yếu là tôm đông lạnh.

6. Tài chính, ngân hàng

6.1 Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2022 ước đạt 3.494 tỷ đồng, giảm 19,6% so với năm trước và đạt 100,1% dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó: Thu nội địa

3.394 tỷ đồng, không tăng không giảm và đạt 113,5%; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 100 tỷ đồng, giảm 89,5% và đạt 20%.

Tổng chi ngân sách địa phương 6.441 tỷ đồng (không tính chi từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ), giảm 2,3% so với năm trước đạt 100,1% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

6.2 Ngân hàng

Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận, ước đến cuối năm 2022: Nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh ước đạt 20.874 tỷ đồng, tăng 12% (tăng 2.237 tỷ đồng) so với cuối năm 2021; đạt 100% kế hoạch năm 2022. Tổng dư nợ tín dụng ước đạt 36.650 tỷ đồng, tăng 9,7% (tăng 3.207 tỷ đồng) so với cuối năm 2021; đạt 95,6% kế hoạch năm. Dư nợ xấu trên địa bàn là 227 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,62% so với tổng dư nợ, giảm 0,01% so với tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2021 (số tuyệt đối giảm 17,7 tỷ đồng).

7. Đầu tư phát triển

Ảnh hưởng của tình hình biến động kinh tế thế giới và chủ trương hạn chế các dự án đầu tư năng lượng tái tạo làm giảm mạnh dòng vốn khu vực ngoài Nhà nước và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài, làm cho tổng vốn đầu tư toàn xã hội giảm. Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2022 ước giảm 28,9% so với năm trước, mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2022⁹.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành năm 2022 ước tính đạt 20.102,8 tỷ đồng, giảm 28,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 3.628,3 tỷ đồng, chiếm 18% tổng vốn và tăng 31,8% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 16.279,8 tỷ đồng, chiếm 81% và giảm 27,4%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 194,7 tỷ đồng, chiếm 1% và giảm 93,7%.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2022

	Tổng số (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	20.102,8	100,0	-28,9
Khu vực Nhà nước	3.628,3	18,0	+31,8
Khu vực ngoài Nhà nước	16.279,8	81,0	-27,4
KV có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	194,7	1,0	-93,7

8. Chỉ số giá (CPI)

Tình hình chính trị thế giới biến động làm cho giá cả nhiều mặt hàng tăng cao, làm chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2022, tăng 4,17% so với năm 2021.

⁹ Tốc độ tăng Vốn đầu tư toàn xã hội năm báo cáo so với năm trước các năm 2016-2022 lần lượt là: giảm 1,2%; giảm 1,9%; tăng 117,0%; tăng 65,5%; tăng 29,5%; giảm 4,7%; giảm 28,9%.

CPI bình quân năm 2022 tăng 4,17% so với bình quân năm trước (*CPI bình quân năm 2021 tăng 2,78%*) do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

(1) Trong năm giá xăng dầu được điều chỉnh tăng 34 đợt (18 đợt tăng và 16 đợt giảm giá), bình quân giá xăng dầu năm 2022 tăng 27,8% so năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,87 điểm phần trăm; giá dầu diesel tăng 53,37% so năm 2021;

(2) Giá gas trong nước được điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới, bình quân năm 2022 tăng 11,01% so cùng kỳ, nhưng lại giảm 3,36% so với tháng 12 năm 2021;

(3) Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 12,12% so với năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tụy có xu hướng giảm nhưng so với năm trước vẫn tăng theo giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, làm CPI tăng 0,21 điểm phần trăm;

(4) Giáo dục tăng 11,24% góp phần làm CPI chung tăng 0,54 điểm phần trăm, chủ yếu giá dịch vụ giáo dục tăng 12,21% do mức học phí trong năm tăng. Chi phí và nguyên liệu đầu vào tăng làm một số đồ dùng học tập và văn phòng tăng 3,46%, góp phần làm chỉ số nhóm này tăng cao so với tháng trước;

(5) Giá các mặt hàng phi lương thực- thực phẩm tăng 7,62% so năm trước làm CPI tăng 2,35 điểm phần trăm.

9. Một số lĩnh vực xã hội

9.1 Dân số, lao động và việc làm

Ước tính dân số trung bình năm 2022 đạt 598.683 người, tăng 0,44% so với năm 2021; dân số nữ: 295.254 người, chiếm 49,3% và dân số theo khu vực thành thị đạt 212.259 người, chiếm 35,5%. Tỷ lệ tăng tự nhiên 12,42‰; tỷ suất sinh thô 16,69‰; tỷ suất chết thô 4,27‰;

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả tỉnh năm 2022 ước tính là 337,2 nghìn người, tăng 11,6 nghìn người so với năm trước. Trong đó, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ước tính là 328,3 nghìn người, tăng 13,1 nghìn người so với năm trước, bao gồm: lao động làm việc trong khu vực Nông, lâm, thủy sản là 131,3 nghìn người, tăng 1,2 nghìn người; khu vực Công nghiệp và xây dựng là 72,3 nghìn người, tăng 2,3 nghìn người; khu vực Dịch vụ là 124,7 nghìn người, tăng 9,6 nghìn người.

9.2 Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

Tình hình đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong năm 2022 cơ bản ổn định, sản xuất ở hầu hết các ngành, lĩnh vực đều có đạt kết quả tích cực. Tình hình thời tiết và nước tưới khá thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, diện tích gieo trồng cây hàng năm tăng khá, hoạt động chăn nuôi ổn định, giá cả sản phẩm thịt hơi các loại vật nuôi ổn định và tăng khá đối với trâu, bò, heo, cừu. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt chế độ tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, không phát sinh nợ lương người lao động.

9.3 Giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao

Triển khai các hoạt động dạy và học bảo đảm an toàn, phòng chống dịch Covid-19; quy mô học sinh các cấp năm học 2021-2022 và năm học mới 2022-2023 được duy trì; tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đầu cấp học an toàn, nghiêm túc, đúng quy định, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 95,73%, tăng 0,57% so năm học trước.

Triển khai nhiều biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, đồng bộ và thực hiện Chương trình phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh; công tác tiêm vắc xin phòng Covid-19 được đẩy mạnh. Công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, trong năm không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

Tập trung tuyên truyền kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức các hoạt động văn hóa mừng xuân Nhâm Dần 2022. Tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 30 năm Ngày tái lập tỉnh và 47 năm Ngày giải phóng Ninh Thuận và giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh lần thứ VII và Ngày quốc tế Yoga năm 2022, thể thao thành tích cao có bước tiến bộ.

9.4 Tai nạn giao thông

Trên địa bàn tỉnh xảy ra 146 vụ tai nạn giao thông trong năm 2022, làm 50 người chết, 149 người bị thương. **So với cùng kỳ năm trước**, số vụ tai nạn giao thông tăng 6,6% (tăng 09 vụ); số người chết không tăng không giảm; và số người bị thương tăng 15,5% (tăng 20 người). Bình quân 2,5 ngày trong tháng xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông.

9.5 Thiệt hại do thiên tai, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Trong năm, trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ thiên tai, không thiệt hại về người, tài sản thiệt hại 31,3 tỷ đồng. **So với năm trước**, số vụ thiên tai giảm 03 vụ, số người chết giảm 02 người, thiệt hại về tài sản giảm 60,7 tỷ đồng.

Xảy ra 07 vụ cháy; làm chết 03 người, bị thương 01 người; tài sản thiệt hại hơn 702 triệu đồng (01 vụ cháy tháng 8/2022 hiện đang trong quá trình điều tra, chưa thống kê thiệt hại tài sản). **So với năm trước**, số vụ cháy giảm 01 vụ; thiệt hại về người tăng 03 người chết, 01 người bị thương; thiệt hại về tài sản tăng hơn 154,4 triệu đồng.

III. Giải pháp trong thời gian tới

Theo dự báo tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2023 còn gặp nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhất là tình hình biến động của kinh tế thế giới còn diễn biến phức tạp, khó lường, áp lực của việc tăng giá nguyên nhiên vật liệu, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp và nhiều khó khăn, thiên tai, bão lũ và nguy cơ dịch bệnh, cần phải phát huy tối đa tiềm năng thế mạnh của tỉnh, các ngành lĩnh vực còn dư địa tăng trưởng, khắc phục kịp thời, có hiệu quả các hạn chế, yếu kém còn tồn tại các điểm nghẽn trong phát triển, tạo sự đồng thuận xã hội để nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2023, tạo đà phát triển mạnh mẽ cho những năm tiếp theo. Cần tập trung vào một số nội dung, sau đây:

Một là, tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân và cộng đồng Doanh nghiệp tạo đồng thuận với các chủ trương, chính sách của tỉnh phấn đấu vươn lên, tiếp tục khôi phục sản xuất, tận dụng cơ hội để phát triển và mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo sức bật và đóng góp cho tăng trưởng của tỉnh.

Hai là, phát huy tiềm năng, thế mạnh, tận dụng cơ hội, du địa tăng trưởng của nhóm ngành thương mại-dịch vụ, du lịch để thúc đẩy tăng trưởng của Tỉnh.

Ba là, tập trung hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp, đẩy mạnh phục hồi, thúc đẩy tăng trưởng nhóm ngành công nghiệp-xây dựng, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư.

Bốn là, đẩy nhanh tiến độ các dự án động lực, thúc đẩy phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh.

Năm là, duy trì ổn định, bảo đảm phát triển bền vững ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Sáu là, hỗ trợ doanh nghiệp và tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Bảy là, phát triển thị trường lao động gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực./.

CỤC THỐNG KÊ NINH THUẬN